

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 404/2023/DS-PT
Ngày: 04 - 12 - 2023
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Đặng Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 173/2023/DS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 254/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978;

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Cẩm T2, sinh năm 2000 (có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (văn bản uỷ quyền ngày 07/7/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Long H, văn phòng luật sư Huỳnh Quốc thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C .

- Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị H trình bày: Trước đây, anh T1 có làm thuê cho chị. Khi làm thuê chị trả tiền hàng ngày cho anh T1 với số tiền từ 300.000đồng đến 500.000đồng, tùy theo công việc nhiều hay ít. Anh T1 làm cho chị với thời gian hơn 02 tháng. Hiện chị còn nợ anh T1 06 ngày công với số tiền 1.800.000đồng. Vào ngày 04/02/2023, chị có cho anh T1 mượn số tiền 20.000.000đồng, khi mượn anh T1 nói ít ngày sau trả, không có làm biên nhận. Sau đó, chị có yêu cầu anh T1 trả nhiều lần, nhưng anh T1 không trả. Nay chị yêu cầu anh T1 trả số tiền 20.000.000đồng, chị đồng ý trả cho anh T1 tiền làm công còn nợ 1.800.000đồng. Anh T1 phải trả cho chị 18.200.000đồng.

Anh Nguyễn Đức T1 trình bày: Kể từ ngày 27/12/2022 âl, chị H thuê anh làm công việc cân sò, lựa sò đến ngày 01/01/2023 âl. Tiền làm công một ngày 300.000đồng. Trong thời gian này, chị H tính tiền công và trả 1.500.000đồng. Sau ngày 01/01/2023 âl, hai bên thỏa thuận làm tiếp công việc mua sò, lựa sò thêm khoảng 20 ngày. Khi đó, anh có tạm ứng chị H số tiền 20.000.000đồng. Anh tiếp tục làm đến khoảng 10 ngày thì anh tạm ứng tiếp 2.500.000đồng. Anh vẫn làm tiếp đến ngày 10/3/2023 âl và kêu chị H tính tiền lương và căn trừ số tiền tạm ứng, nhưng chị H không tính mà nói để từ từ tính. Khoảng 02 ngày sau anh yêu cầu chị H tính tiền, nhưng chị H vẫn không tính. Anh nghỉ khoảng 02 đến 03 ngày không làm. Chị H nói nếu nghỉ thì trả số tiền tạm ứng. Sau đó, anh không làm tiếp công việc cho chị H. Như vậy, hiện chị H còn nợ anh số tiền làm công là 100 ngày với số tiền 30.000.000đ. Nay anh yêu cầu chị H trả số tiền 30.000.000đồng, anh đồng ý trả cho chị H số tiền tạm ứng 22.500.000đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 173/2023/DS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi Quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Buộc anh Nguyễn Đức T1 phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Đức T1 về việc đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Đức T1. Buộc chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Đức T1 số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 17/8/2023, chị Nguyễn Thị H đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên toà: người đại diện theo uỷ quyền chị Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận Tại phiên toà:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đưa ra các căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp như việc anh T1 mượn 20 triệu đồng là thực tế, chị H đi cầm vàng cho anh T1 mượn có người chứng kiến. Khi anh T1 làm công cho nhà chị H thì mỗi ngày đều được trả lương những người làm công khác cũng đã xác nhận. Đối với yêu cầu phản tố của anh T1 là không có căn cứ, thủ tục phản tố không đúng quy định, không nộp án phí nên cấp sơ thẩm xem xét là không phù hợp. Kiến nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị H, sửa án sơ thẩm.

Anh T1 tranh luận: chị H có trả tiền công mấy ngày đầu làm là có nhưng sau đó do tôi ứng tiền nên chị H để trừ dần. Còn những làm chung thì hiện nay vẫn còn làm cho chị H nên trình bày có lợi cho chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị H sửa án sơ thẩm buộc chị H trả cho anh T1 3.000.000 đồng, anh T1 trả cho chị H 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị H yêu cầu anh Nguyễn Thanh T1 trả số tiền 20.000.000 đồng, anh T1 có đơn phản tố yêu cầu chị Nguyễn Thị H trả tiền công lao động 30.000.000 đồng. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của các đương sự. Chị H kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị H yêu cầu anh T1 trả số tiền 20.000.000 đồng do anh T1 mượn của chị H. Anh T1 xác định có nhận của chị H hai lần là 22.500.000 đồng và trừ vào lương hàng ngày anh T1 làm công cho gia đình chị H từ ngày 27/12/2022 đến ngày 10/3/2023.

[3] Giao dịch giữa các đương sự chỉ thực hiện bằng lời nói, không có hợp đồng, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, nhưng trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm anh T1 thừa nhận có ứng tiền lương từ chị H với số tiền 22.500.000đ. Anh T1 yêu cầu đối trừ khoản tiền công anh đã làm tại vừa sò của chị H. Chị H xác định trả tiền công cho người làm thuê vào cuối ngày, không có việc cộng dồn và chưa thanh toán cho anh T1. Tuy nhiên, chị H chỉ trình bày bằng lời nói, không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh mỗi ngày chị H trả tiền công cho anh T1. Mặt dù, những người làm công tại vừa sò của chị H như anh Hứa Khánh Linh và anh Trần Duy Khánh, đều xác định trả lương vào cuối ngày, nhưng tại đơn khởi kiện của chị H xác định còn nợ anh T1 3.000.000 đồng nên lời trình bày của người làm công và chị H là mâu thuẫn nhau không thể xem là chứng cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của chị H xác định có nợ số tiền 3.000.000 đồng là do cộng dồn mười mấy ngày, vì mỗi ngày làm không đủ thời gian nhưng người đại diện không giải thích được cụ thể là nợ bao nhiêu ngày và mỗi ngày đã làm bao nhiêu giờ, cách cộng như thế nào để ra số tiền trên. Do đó, việc chị H xác định mỗi ngày có trả tiền công cho anh T1 là không có căn cứ.

[4] Đối với khoản thời gian anh T1 làm tại vừa sò thì người đại diện của chị H xác định khoản thời gian không đến 100 ngày như anh T1 trình bày còn cụ thể bao nhiêu ngày thì không nhớ vì không có ghi sổ theo dõi. Người đại diện nguyên đơn xác định anh T1 đi làm từ ngày 27 tháng 12 đến âm lịch và trả lương đầy đủ sau đó anh T1 làm một thời gian nữa nhưng chưa đến ngày 10/3/2023 thì nghỉ. Xét thấy, các đương sự có tranh chấp về thời gian làm công của anh T1 tại vừa sò thấy rằng: Tại đơn khởi kiện ngày 15/6/2023, chị H xác định cho anh T1 mượn 20.000.000 đồng vào ngày 04/02/2023, hẹn vài ngày trả lại nhưng hứa hẹn nhiều lần vẫn không trả, "...khoảng 1 tháng gần đây ông T1 không đi làm nữa..." như vậy anh T1 nghỉ làm khoảng 1 tháng thì chị H khởi kiện. Nhưng tại phiên toà phúc thẩm người đại diện của chị H xác định anh T1 nghỉ làm khoảng một tháng 15 ngày thì chị H mới khởi kiện. Đơn khởi kiện của chị H ghi ngày 15/6/2023, nếu trừ đi một tháng 15 ngày là 01/5/2023 nhằm ngày 12/3/2023 âm lịch là phù hợp với ngày anh T1 yêu cầu là làm đến ngày 10/3/2023. Như vậy anh T1 xác định làm thuê cho vừa sò từ ngày 27/12/ 2022 đến ngày 10/3/2023 là có căn cứ chấp nhận.

[5] Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của anh T1 là có căn cứ. Chị H kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị H. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án không xử lý tiền tạm ứng án phí của anh T1 là thiếu sót nên sửa án sơ thẩm phần này.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: chị Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 173/2023/DS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Buộc anh Nguyễn Đức T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị H số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Đức T1 về việc đồng ý thanh toán cho chị Nguyễn Thị H số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Đức T1.

Buộc chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Đức T1 số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000 đồng. Ngày 15 tháng 6 năm 2023 chị H có dự nộp tạm ứng án phí số tiền 500.000 đồng theo biên lai số 0014271 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu đối trừ chị H còn phải nộp 1.000.000 đồng. Anh Nguyễn Đức T1 phải chịu án phí số tiền 1.000.000 đồng, ngày 03 tháng 7 năm 2023, anh T1 có nộp tạm ứng số tiền 750.000 đồng theo biên lai thu số 0014353 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu đối trừ, anh T1 còn phải nộp tiếp 250.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng. Ngày 17/8/2023 chị H có dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000340 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Cẩm Đào